

Bản án số: **46/2023/HS-PT**

Ngày: 17/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán:

Ông **Trần Hữu V**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 128/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Tiến S; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 22/6/1994 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: K29/6/1 đường T, tổ 57, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê D và bà Nguyễn Thị D1; Bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Phạm Thị Bích V1, bị cáo có 02 con sinh năm 2015 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2022. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân V; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 08/5/1989 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: Số 04 đường L, tổ 15, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: 304/6 P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Nguyễn Xuân D2 và bà Huỳnh Thị Q; Bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh G, bị cáo có 02 con sinh năm 2014 và 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2022. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Thị Thu H; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 07/3/1997 tại tỉnh H; Nơi ĐKHKTT: Tổ 05, khu vực 4, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: K02/5 H, phường M, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm K và bà Võ Thị T; Bị cáo là con thứ ba; Có chồng là Phạm Anh Đ, bị cáo có 03 con sinh năm 2016, 2017 và 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/6/2022 đến ngày 18/6/2022. Hiện đang được tại ngoại, bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

4. Văn Công Kh; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 10/3/1998 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: K1014/25 đường Đ, tổ 28, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Văn Công L1 và bà Phạm Thị H1; Bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2022. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 09/6/2022, Lê Tiến S và Nguyễn Xuân V nhậu tại quán số 100 P, thành phố Đà Nẵng thì S rủ V đi hát karaoke và sử dụng ma túy, V đồng ý. V điều khiển xe máy biển số 43AA-30313 chở S đến quán karaoke Sao Đêm tại địa chỉ 476/2 P, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng và thuê phòng VIP 2. S hỏi V biết chỗ nào bán ma túy không thì V bảo không biết, S gọi điện rủ Phạm Thị Thu H đến quán karaoke chơi, thì H đồng ý. Sau đó S, V, H lên phòng VIP 2. Tại đây, S nhờ H liên lạc mua giúp 03 viên ma túy thuốc lắc và nửa hộp ma túy khay để sử dụng thì H đồng ý, H liên lạc hỏi mua số ma túy trên của một thanh niên Tùng không rõ nhân thân, lai lịch với giá 3.900.000 đồng và hẹn giao ma túy tại kiệt 476 P, thành phố Đà Nẵng. H báo lại với S giá tiền là 3.900.000 đồng thì S đồng ý và bảo hôm sau sẽ chuyển khoản tiền mua ma túy, V hứa góp 500.000 đồng vì lúc này V không có sẵn tiền. H nhờ V đi ra ngoài để lấy ma túy thì V đồng ý, nhưng do H ngồi gần cửa hơn và ngại V không quen biết nên H tự đi lấy số ma túy trên. Lúc này

ở phòng VIP 2, S gọi nhờ Kh đem một đĩa sứ lên phòng, Kh hiểu là S lấy đĩa sứ để sử dụng ma túy thì đồng ý và lấy thêm 01 thẻ nhựa và 01 ống hút được cuộn từ tờ tiền 10.000 đồng bỏ vào đĩa sứ đem lên cho S rồi đi ra ngoài. H đem ma túy bỏ ra bàn, thì S và V lấy ma túy là thuốc lắc để sử dụng, tiếp đó S đổ ma túy vào khay ra đĩa sứ màu trắng rồi xào ma túy để cho V và H cùng sử dụng, Kh vào lại phòng sử dụng ma túy thuốc lắc và ma túy khay cùng với S, V, H.

Sau đó, Kh rủ thêm lần lượt Nguyễn Thị Mỹ L, Đỗ Thanh V và Ngô Thanh P lên phòng VIP 2 để sử dụng ma túy, nhưng P không sử dụng ma túy.

Đến 02h00 ngày 10/6/2022, Công an phường Đ phối hợp với Đội CSĐTTP về ma túy Công an quận K đến kiểm tra, bắt quả tang Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như đã nêu trên.

Thu giữ trên bàn trong phòng VIP 2 gồm: Chất bột màu trắng đựng trong đĩa sứ màu trắng, được bỏ vào 01 bao nilong có kích thước 04cm x 04cm được niêm phong ký hiệu G1 và các dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 30cm, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn, 01 thẻ nhựa màu tím có chữ Helio, 04 gói nilong tất cả được ký hiệu G2.

Đỗ Thanh V và Nguyễn Thị Mỹ L đều thừa nhận sử dụng ma túy cùng S, V, H, Kh, Ngô Thanh P khai chỉ vào phòng VIP 2 chơi, không sử dụng ma túy, vì trước đó vào tối ngày 06/6/2022 tại quán bar Đ, thành phố Đà Nẵng, P đã sử dụng ma túy thuốc lắc và ma túy khay.

Tại bản Kết luận giám định số 117/KLMT-KTHS ngày 17/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất bột trong 01 gói nilong trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là ma túy loại Ketamine, khối lượng chất bột Mẫu G1: 0,938 gam.

Tại Kết luận số 802/KL-KTHS ngày 23/6/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định mẫu nước tiểu của Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Đỗ Thanh V, Ngô Thanh P gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy loại MDMA và Ketamine.

* Vật chứng tạm giữ:

- Mẫu được hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 Phong bì số 117/KLMT-KTHS ngày 17/6/2022, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 30cm, 01 thẻ nhựa màu tím trên bề mặt có chữ HELIO kích thước 08cm x 05cm, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn, 01 gói nilong kích thước 03cm x 02cm, 01 gói nilong kích thước

8,5cm x 05cm, 01 gói nilong kích thước 03cm x 3,5cm và 01 gói nilong kích thước 04cm x 04cm đều được niêm phong trong một hộp giấy trống ký hiệu G2.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 353797082781117, gắn sim số 0905616799 và số tiền 700.000 đồng thu giữ của Lê Tiến S.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 355732071169287, gắn sim số 0935627617, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng có chữ ORIENT, 01 bông tai dài 01cm bằng kim loại có gắn đá, 02 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân V, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank số 9704368604704106015, 02 thẻ ngân hàng Techcombank số 4221498697243344 và số 4221498691834619, số tiền 318.000 đồng, 01 ví màu đen hiệu Pedro thu giữ của Nguyễn Xuân V.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số Imei: 354440898554878, gắn sim số 0935070397 và số tiền 5.800.000 đồng thu giữ của Phạm Thị Thu H.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei: 356727086289772, gắn sim số 0906129970, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, số Imei: 352001065198261, gắn sim số 0775469162 thu giữ của Văn Công Kh.

- 01 xe mô tô Honda SH biển số 43G1-29808, số khung: RLHJF7307GY041759, số máy: JF73E0041796, thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ L. Qua xác minh xe này do anh Ngô Trường D đứng tên chủ sở hữu. Vào tháng 01/2021, anh D đã bán xe này cho anh Phạm Xuân V2 chưa sang tên đổi chủ. Vào chiều ngày 09/6/2022, V2 cho Nguyễn Thị Mỹ L mượn để đi chơi, việc L sử dụng xe để đi sử dụng trái phép chất ma túy thì anh V2 không biết.

- 01 xe mô tô Honda SH biển số 43E1-58107, số khung: RLHKF2512KY10876, số máy: KF26E0085771, tạm giữ của Phạm Thị Thu H. Qua xác minh xe này do anh Lê Bảo Ng đứng tên chủ sở hữu. Vào ngày 28/01/2021, Ng bị bắt và tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng nên ủy quyền lại cho cha ruột là ông Lê Văn Q1 quản lý và sử dụng. Đến ngày 09/6/2022, ông Q1 cho Phạm Thị Thu H mượn để đi chơi, việc H sử dụng xe để đi sử dụng trái phép chất ma túy thì ông Q1 không biết.

- 01 xe mô tô có chữ Sirius biển số 92H2-0996, số khung: RMVWCHBMV71080216, số máy: VLF1P50FMH180080216, tạm giữ của Ngô Thanh P. Qua xác minh xe này do bà Từ Thị T đứng tên chủ sở hữu. Vào tháng 03/2019, bà Tình đã bán xe này cho Ngô Thanh P. P sử dụng xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ.

Tất cả vật chứng trên đều chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận K bảo quản chờ xử lý trong giai đoạn xét xử.

- 01 xe Honda Cup biển số 43AA-30313, số khung: C505330842, số máy: C50E5330688, tạm giữ của Nguyễn Xuân V. Qua xác minh xe này do ông Nguyễn Văn Th đứng tên giấy đăng ký xe và làm chủ sở hữu. Sáng ngày 09/6/2022, ông Th cho ông Nguyễn Xuân D2 mượn xe để đi lại. Đến chiều ngày 09/6/2022, ông D2 cho con trai ruột là Nguyễn Xuân V mượn để đi chơi, việc H sử dụng xe để đi sử dụng trái phép chất ma túy thì ông D2 và ông Th không biết. Cơ quan CSĐT Công an quận K đã trả lại xe cho ông Nguyễn Văn Th theo Quyết định xử lý vật chứng số 60 ngày 09/9/2022.

- 01 xe mô tô Yamaha Exciter biển số 43C1-12897, số khung: 043368, số máy: 043370, tạm giữ của Văn Công Kh. Qua xác minh xe này do bà Phan Đình D3 đứng tên chủ sở hữu. Tháng 02/2018, anh D3 đã bán xe cho anh Phan Phú C chưa sang tên đổi chủ. Đến tháng 05/2022, anh Cường cho Văn Công Kh mượn xe để đi lại. Cơ quan công an quận K đã trả lại xe cho anh Phan Phú C theo Quyết định xử lý vật chứng số 61 ngày 09/9/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, số Imei: 353100104741302, gắn sim số 0394099190 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, số Imei: 359313068411044, gắn sim số 0888884352 thu giữ của Ngô Thanh P, không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an quận K đã trả lại xe cho P theo Quyết định xử lý vật chứng số 49/QĐ-ĐCSMT ngày 18/7/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen, số Imei: 357378091626902, gắn sim số 0976505474 và số tiền 1.155.000 đồng thu giữ của Đỗ Thanh V, không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an quận K đã trả lại xe cho V theo Quyết định xử lý vật chứng số 48/QĐ-ĐCSMT ngày 18/7/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Imei: 356733119618920, gắn sim số thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ L, không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an quận K đã trả lại xe cho L theo Quyết định xử lý vật chứng số 47/QĐ-ĐCSMT ngày 18/7/2022.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 146/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt*: Bị cáo **Lê Tiến S** 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam ngày 10/6/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt*: Bị cáo **Nguyễn Xuân V** 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam ngày 10/6/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt*: Bị cáo **Phạm Thị Thu H** 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 09 (*chín*) ngày (Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 18/6/2022), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 07 (*bảy*) năm 02 (*hai*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt*: Bị cáo **Văn Công Kh** 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam ngày 10/6/2022.

Đều về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Trong các ngày 9 và ngày 12 tháng 12 năm 2022, các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Thị Thu H tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Văn Công Kh khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án sơ thẩm đã kết luận, thừa nhận tội; giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H tự nguyện rút đơn kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H. Xét mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với từng bị cáo Lê Tiến S và Nguyễn Xuân V là phù hợp, không nặng. Các bị cáo kháng cáo S, V xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo S và V, giữ nguyên án sơ thẩm. Riêng bị cáo Kh phạm tội với vai trò đồng phạm, có vai trò thấp hơn các bị cáo khác, sau khi xử sơ thẩm bị cáo có tình tiết mới là đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kh, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 09/6/2022 đến 02 giờ ngày 10/6/2022, tại phòng Vip 2 quán Karaoke Sao đêm (địa chỉ 476/2 P, phường Đ, quận K, TP Đà Nẵng); Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H và Văn Công Kh đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho Nguyễn Thị Mỹ L và Đỗ Thanh V cùng sử dụng trái phép chất ma túy loại MDMA và Katemmine thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang và thu giữ 0.93g ma túy loại Katemmine còn lại.

Với hành vi trên, các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, Phạm Thị Thu H, Văn Công Kh đã bị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo S, V, H, Kh, HĐXX nhận thấy:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các bị cáo đều là người đã thành niên, nhận thức được tác hại của các chất ma túy và quy định của pháp luật về việc nghiêm cấm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Thị H tự nguyện rút đơn kháng cáo, nên HĐXX căn cứ Điều 342 và 348 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H.

[2.2] Về kháng cáo của các bị cáo S, V và Kh: Xét khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò cũng như nhân thân của các bị cáo S và V, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo này được hưởng theo quy định. Xử phạt bị cáo S 8 năm tù, bị cáo V 7 năm 3 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo S và V, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Riêng đối với bị cáo Kh, chỉ là nhân viên của quán Karaoke, nơi các bị cáo S, H và V thuê để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Kh không tham gia

bàn bạc về việc mua ma túy và thuê phòng hát Karaoke để sử dụng ma túy với các bị cáo S, H và V. Bị cáo Kh chỉ có hành vi nghe theo yêu cầu của bị cáo S cung cấp đĩa sứ và ông hút được làm từ tờ tiền 10.000 đồng cho các bị cáo này sử dụng ma túy, sau đó Kh cùng tham gia sử dụng và có gọi thêm Nguyễn Thị Mỹ L, Đỗ Thanh V vào cùng sử dụng ma túy. Xét bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, có vai trò thấp hơn các bị cáo khác, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Kh mức án 7 năm 3 tháng tù bằng với các bị cáo V và H là có phần nghiêm khắc; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự. Đây là tình tiết mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo. Vì vậy, HĐXX thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kh, giảm cho bị cáo 1 phần hình phạt.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo S và V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo H và Kh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Vấn đề cần rút kinh nghiệm: Đây là vụ án đồng phạm nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để các thể hóa vai trò đồng phạm của từng bị cáo là thiếu sót, cần phải rút kinh nghiệm. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự trong phần quyết định của bản án cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thu H, bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành đối với bị cáo H.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Công Kh; sửa một phần Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Kh.

2.1. Áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo **Lê Tiến S 08 (tám)** năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 10/6/2022.

2.2. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân V 07 (bảy) năm, 03 (ba) tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 10/6/2022.

2.3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Văn Công Kh 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 10/6/2022.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lê Tiến S, Nguyễn Xuân V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Văn Công Kh và bị cáo Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận K;
- THA DS quận K;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Long